

Số: 113/TB-UBND

Trà Hiệp, ngày 24 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Tiếp nhận hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Chính phủ Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Chính phủ Quy định về hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Quyết định 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nay, UBND xã Trà Hiệp thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu, như sau:

I. Nguyên tắc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất

- Đăng ký đất đai là **bắt buộc** đối với người sử dụng đất và người được giao đất để quản lý.

II. Đối tượng đăng ký lần đầu đối với đất đai, tài sản gắn liền với đất được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Người sử dụng thửa đất đang sử dụng mà chưa đăng ký.
- Người sử dụng thửa đất được Nhà nước giao, cho thuê để sử dụng.
- Người sử dụng thửa đất được giao để quản lý mà chưa đăng ký.

III. Thành phần hồ sơ

Căn cứ Điều 28 Nghị định 101/2024/NĐ-CP, hồ sơ cần nộp như sau:

- Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK được ban hành kèm theo Nghị định 101/2024/NĐ-CP.

(Có Mẫu số 04/ĐK kèm theo)

- Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 05/ĐK được ban hành kèm theo Nghị định 101/2024/NĐ-CP.

(Có Mẫu số 05/ĐK kèm theo)

- Một trong các giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 1, khoản 5 Điều 148, khoản 1, khoản 5 Điều 149 của Luật Đất đai như:

+ Giấy tờ về quyền sử dụng đất được cơ quan thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 như: Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất đã được UBND cấp xã xác nhận sử dụng trước ngày 15/10/1993, Dự án/danh sách/văn bản về di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được UBND cấp huyện/tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mà có tên của người sử dụng đất, Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện, cấp tỉnh... (căn cứ Điều 137 Luật Đất đai 2024);

+ Nộp thêm giấy tờ về chuyển quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận đã cấp đổi với phần diện tích tăng thêm đối với trường hợp đất gốc có giấy tờ về quyền sử dụng đất tại Điều 137 Luật Đất đai năm 2024 ở trên mà có phần diện tích đất tăng thêm, đã được cấp giấy chứng nhận.

+ Giấy tờ về nhận thừa kế quyền sử dụng đất mà chưa được cấp Sổ đỏ.

+ Giấy tờ về nhận thừa kế quyền sử dụng đất và giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất khi đã nhận thừa kế.

+ Giấy tờ về giao đất không đúng thẩm quyền hoặc giấy tờ mua, hoá giá, nhận thanh lý, phân phối nhà ở, công trình gắn liền với đất (nếu có).

+ Giấy tờ liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (nếu có).

+ Hợp đồng/văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Toà án về xác lập quyền đối với thửa đất liền kề, có kèm theo sơ đồ thể hiện về vị trí, kích thước của phần diện tích thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế (nếu thuộc trường hợp có đăng ký quyền đối với thửa đất liền kề).

+ Văn bản xác định các thành viên hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất (đối với trường hợp đất do hộ gia đình đang sử dụng).

+ Giấy tờ về việc chuyển nhượng có chữ ký của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng (đối với trường hợp chuyển quyền mà chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định).

IV. Số lượng hồ sơ: (01 bộ)

V. Thời gian tiếp nhận hồ sơ

- Từ thứ 3 đến thứ 6 (Sáng: 8h00 phút; Chiều 14h00 phút)

VI. Cách thức nộp hồ sơ

- Nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ;
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;
- Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người yêu cầu đăng ký và Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;
- Nộp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh tại trang Web: <https://dichvucong.quangngai.gov.vn/vi/home-qni>.

VII. Địa điểm tiếp nhận

- Bộ phận một cửa xã Trà Hiệp
- Địa chỉ: Tổ 1, thôn Nguyên, xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Trên đây là Thông báo Tiếp nhận hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn xã Trà Hiệp./.

Nơi nhận:

- Phòng TN&MT; (để biết)
- Lãnh đạo Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- CT; Các PCT. UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các tổ chức CTXH xã;
- Toàn thể CBCC xã;
- Đài truyền thanh xã;
- Các đ/c trưởng thôn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Trường

Mẫu đơn này dùng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu (xem kỹ hướng dẫn viết Đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên Đơn).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn;
- Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố...

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất: (Trường hợp nhiều người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản đó theo Mẫu 04a/ĐK)

1.1. Tên⁽¹⁾:

1.2. Giấy tờ nhân thân⁽²⁾:

1.3. Địa chỉ⁽³⁾:

1.4. Điện thoại liên hệ (nếu có):..... Hộp thư điện tử (nếu có):

2. Thửa đất đăng ký: (Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoặc đề nghị cấp chung một Giấy chứng nhận cho nhiều thửa đất nông nghiệp thì không kê khai các nội dung tại Mục này mà chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa đất theo Mẫu 04b/ĐK)

2.1. Thửa đất số⁽⁴⁾:; 2.2. Tờ bản đồ số⁽⁴⁾:

2.3. Địa chỉ⁽⁵⁾:

2.4. Diện tích⁽⁶⁾:m²; sử dụng chung:m²; sử dụng riêng:m²;

2.5. Sử dụng vào mục đích⁽⁷⁾:, từ thời điểm:

2.6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất⁽⁸⁾:

2.7. Nguồn gốc sử dụng đất⁽⁹⁾:

2.8. Có quyền hoặc hạn chế quyền đối với thửa đất liền kề số, tờ bản đồ số, của, nội dung về quyền đối với thửa đất liền kề⁽¹⁰⁾;

3. Nhà ở, công trình xây dựng: (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu đăng ký hoặc chứng nhận quyền sở hữu tài sản; Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình theo Mẫu số 04c/ĐK)

3.1. Loại nhà ở, công trình xây dựng⁽¹¹⁾:

3.2. Địa chỉ ⁽¹²⁾:

3.3. Diện tích xây dựng ⁽¹³⁾:m²;

3.4. Diện tích sàn xây dựng/ diện tích sử dụng ⁽¹⁴⁾:m²;

3.5. Sở hữu chung ⁽¹⁵⁾:m², sở hữu riêng ⁽¹⁵⁾:m²;

3.6. Số tầng:tầng; trong đó, số tầng nổi: tầng, số tầng hầm: tầng;

3.7. Nguồn

gốc ⁽¹⁶⁾:

3.8. Thời hạn sở hữu

đến ⁽¹⁷⁾:

4. Đề nghị của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất: *(Đánh dấu vào ô lựa chọn)*

4.1. Đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất

4.2. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận

4.3. Đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất

4.4. Đề nghị khác (nếu

có):

5. Những giấy tờ nộp kèm theo:

(1)

(2)

(3)

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn kê khai đơn:

(1) Cá nhân: Ghi họ và tên bằng chữ in hoa, năm sinh theo giấy tờ nhân thân; người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài thì ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch; Cộng đồng dân cư: Ghi tên của cộng đồng dân cư.

(2) Ghi số định danh cá nhân hoặc số, ngày cấp và nơi cấp hộ chiếu.

(3) Cá nhân: Ghi địa chỉ nơi đăng ký thường trú; người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài thì ghi địa chỉ đăng ký thường trú ở Việt Nam (nếu có); Cộng đồng dân cư: Ghi địa chỉ nơi sinh hoạt chung của cộng đồng.

- (4) Ghi số hiệu của thửa đất và số tờ bản đồ địa chính hoặc ghi số hiệu thửa đất và số hiệu mảnh trích đo bản đồ địa chính (nếu có thông tin).
- (5) Ghi tên khu vực (xứ đồng, điểm dân cư...); số nhà, tên đường phố (nếu có), thôn, tổ dân phố, tên đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh nơi có thửa đất.
- (6) Ghi diện tích của thửa đất bằng số Ả Rập, được làm tròn số đến một chữ số thập phân; Diện tích “Sử dụng chung” là phần diện tích thửa đất thuộc quyền sử dụng của nhiều người sử dụng đất; Diện tích “Sử dụng riêng” là phần diện tích thửa đất thuộc quyền sử dụng của một người sử dụng đất (một cá nhân, một cộng đồng dân cư).
- (7) Ghi mục đích đang sử dụng chính của thửa đất. Từ thời điểm ghi ngày ... tháng ... năm...
- (8) Ghi “đến ngày .../.../...” hoặc “Lâu dài” hoặc ghi bằng dấu “-/-” nếu không xác định được thời hạn.
- (9) Ghi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm hoặc nhận chuyển quyền (chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn) hoặc nguồn gốc khác như do ông cha để lại, lấn, chiếm, giao đất không đúng thẩm quyền, khai hoang...
- (10) Ghi theo văn bản xác lập quyền được sử dụng.
- (11) Ghi Nhà ở riêng lẻ/căn hộ chung cư/văn phòng/nhà xưởng...
- (12) Ghi tên công trình hoặc tên tòa nhà; tên khu vực (xứ đồng, điểm dân cư,...); số nhà, tên đường phố (nếu có), thôn, tổ dân phố, tên đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh nơi có thửa đất.
- (13) Đối với nhà ở riêng lẻ, công trình xây dựng độc lập ghi diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà ở, công trình tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà ở, công trình được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Đối với căn hộ chung cư, văn phòng, hạng mục công trình thuộc tòa nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp thì ghi diện tích sàn/ diện tích sử dụng căn hộ chung cư, văn phòng, hạng mục công trình đó.
- (14) Đối với nhà ở, công trình một tầng thì không ghi nội dung này. Đối với nhà ở, công trình nhiều tầng thì ghi tổng diện tích mặt bằng sàn xây dựng của các tầng.
- (15) Diện tích “Sở hữu chung” là phần diện tích thuộc quyền sở hữu của nhiều người; Diện tích “Sở hữu riêng” là phần diện tích thuộc quyền sở hữu của một người (một cá nhân, một cộng đồng dân cư).
- (16) Ghi tự đầu tư xây dựng, mua, được tặng cho ...
- (17) Ghi “đến ngày .../.../...” hoặc ghi bằng dấu “-/-” nếu không xác định được thời hạn.

DANH SÁCH
NHỮNG NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỬA ĐẤT, SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
(Kèm theo Mẫu số 04/ĐK)

Sử dụng chung thửa đất: ; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất: (Đánh dấu vào ô lựa chọn)

Số thứ tự	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân				Địa chỉ
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							

....., ngày tháng năm

.....
Người kê khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn kê khai:

Việc kê khai thông tin theo hướng dẫn tại Mẫu số 04/ĐK.

Mẫu đơn này dùng cho tổ chức đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu. (Xem kỹ hướng dẫn viết Đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên Đơn).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi: - Văn phòng đăng ký đất đai...;
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

1. Thông tin của người đang sử dụng đất

1.1. Tên⁽¹⁾:

1.2. Giấy tờ pháp nhân, nhân thân⁽²⁾:

1.3. Địa chỉ

(3):

1.4. Điện thoại liên hệ (nếu có): Hộp thư điện tử (nếu có):

2. Đề nghị của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất: *(Đánh dấu vào ô lựa chọn)*

2.1. Đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất

2.2. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận

2.3. Đề nghị khác (nếu có):

3. Giấy tờ nộp kèm theo:

(1) Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức theo Mẫu số 05a/ĐK hoặc Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của người được giao quản lý đất Mẫu 05b/ĐK.

(2) Giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có)

(3)

Cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai.

....., ngày ... tháng năm ...
Người sử dụng đất kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Hướng dẫn kê khai đơn:

- (1) Ghi tên tổ chức theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.
- (2) Ghi số, ngày ký, cơ quan ký văn bản theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.
- (3) Ghi địa chỉ trụ sở chính theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.